TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 28 - 4 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Tiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quyết Tiến**

Ông **Vũ Ngọc Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà **Ấu Như Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 09/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 14/4/2020 đối với:

Bị cáo **Giàng Mí N**, sinh năm 1986 tại huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Mí T, sinh năm 1957 và bà Sùng Thị M, sinh năm 1958; có vợ là Vừ Thị C, sinh năm 1992 và ba con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ...; bị bắt ngày 14/11/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Xuân G**, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người làm chứng:

Anh **Vàng Mí P**, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Giàng Mí V**, sinh năm 2006; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Giàng Mí M**, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Vàng Mí C**, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Sùng Mí C**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Dỉ Chủa Phàng, xã Giàng Chu Phìn, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Vàng Mí C**, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Giàng Mí L**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Sùng Mí P**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Giàng Mí T**, sinh năm 2006; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Giàng Mí S**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt;

Anh **Sùng Mí M**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt;

Anh **Vàng Mí N**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Sùng Mí C**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt;

Anh **Vàng Mí C**, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Vàng Mí L**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh **Vàng Mí M**, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

- *Người phiên dịch tiếng H'Mông:* Bà **Hầu Thị H**; Địa chỉ: Tổ 7, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 **Giàng Mí N** thường xuyên sang Trung Quốc lao động làm thuê cho một người Trung Quốc tên là Cháng Hù P tại khu vực biên giới giáp chợ T, huyện N, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, quá trình làm thuê **N** có quen biết hai người Trung Quốc là **Vừ Sìa S1**(*sinh năm 1993, trú tại trấn B, huyện P, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc*) và một người tên là **S2** (*không biết họ tên đầy đủ*), **N, S1, S2** trao có cho nhau số điện thoại để liên lạc. S2 đặt vấn đề với Giàng Mí N về việc tìm người đưa sang Trung Quốc lao động làm thuê cho S2, công việc là phát cỏ, trồng cây, tiền công lao động là 100 NDT/người/ngày, nếu N tìm và đưa

được từ 10 người trở lên sang lao động cho S2 thì N sẽ được trả công lao động là 3000 NDT/tháng, (*không kể ngày nắng mưa, công việc là quản công nhân và nấu cơm)*. Đến đầu năm 2019 N tiếp tục sang Trung Quốc làm thuê cho ông chủ P thì gặp lại S2, S2 tiếp tục bảo N về tìm người sang làm thuê cho S2, N đồng ý về Việt Nam tìm, vận động đưa được 03 lần với tổng số 16 người sang Trung Quốc lao động làm thuê, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 02/2019, Giàng Mí N đến Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang tìm và rủ được 04 người gồm: (1) Vàng Mí P - Sinh năm 2002; (2) Giàng Mí V - Sinh năm 2006; (3) Giàng Mí M - Sinh năm 2002 và (4) Vàng Mí C - Sinh năm 2005. Tất cả 4 người trên đều đồng ý đi làm thuê. Giàng Mí N gọi điện thông báo cho S2 biết đã tìm được 04 người và họ muốn ứng trước tiền công và hẹn ngày đi, S2 đồng ý. Đến ngày 12/02/2019 (âm lịch), Giàng Mí N cùng 04 người thuê xe máy (*xe ôm)* đi lên xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang rồi đi theo đường mòn thuộc Mốc 465, thôn Sín Phìn Chư, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang sang để Trung Quốc làm thuê cho S2 (*không làm thủ tục xuất cảnh biên giới)*, trên đường lên N đã gọi điện thoại cho S2 đến biên giới để giao nhận người sang lao động làm thuê, S2 lên biên giới gặp N cùng bốn người trên rồi tất cả vượt qua biên giới sang Trung Quốc vào nhà S2, S2 trực tiếp đưa tiền công ứng trước (*theo thỏa thuận trước đó*) của bốn công dân cho Giàng Mí N cầm về Việt Nam đưa cho gia đình của Vàng Mí P 2.000NDT (*Hai ngàn nhân dân tệ)*; Giàng Mí V 1.500NDT (*Một ngàn năm trăm nhân dân tệ)*; Giàng Mí M 1.500NDT (*một ngàn năm trăm nhân dân tệ)*; và Vàng Mí C 1.500NDT (*Một ngàn năm trăm nhân dân tệ)*, N được S2 đưa cho 2.000NDT (*Hai ngàn nhân dân tệ)* là tiền công ứng trước của N. S2 bảo N tiếp tục về Việt Nam tìm thêm người cho S2, N đồng ý quay về Việt Nam tìm người.

Do Giàng Mí N không tìm được người cho S2 nên N không đi gặp S2 mà tiếp tục sang Trung Quốc làm thuê cho Cháng Hù P thì N gặp Vừ Sìa S1, S1 đặt vấn đề với N về Việt Nam tìm khoảng từ 10 người trở lên đưa đi làm thuê cho S1, công việc là phát cỏ, trồng cây, tiền công lao động là 100 NDT/ngày công, S1 hứa hẹn với N nếu tìm và đưa được 10 người sang thì trả công lao động cho N là 3500 NDT/tháng (*không kể ngày nắng mưa, công việc là quản công nhân và nấu cơm)* và N đồng ý về Việt Nam tìm người.

Lần thứ hai: Ngày 16/4/2019 tức 12/3/2019 (*âm lịch*) N tiếp tục tìm được 04 người và điện thoại cho S2, khi đó S2 nói đã đủ người lao động nên không lấy nữa, do S2 không nhận người nữa nên N gọi điện cho Vừ Sìa S1về việc có người muốn đi làm thuê và muốn được ứng trước tiền công lao động, S1 đồng ý nên N và 04 người gồm: (1) Sùng Mí C - Sinh năm 1995, trú tại thôn D, xã P, huyện M; (2) Vàng Mí C - Sinh năm 2004; (3) Giàng Mí L - Sinh năm 1990 và (4) Sùng Mí P - Sinh năm 2005 (*cùng trú tại Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang)* đi xe máy (*xe ôm*) từ nhà lên đường biên giới tại xóm S, xã T, huyện M tất cả đều không làm thủ tục xuất cảnh qua biên giới. Khi đến biên giới S1 đã có mặt ở đó (*trước khi lên N đã gọi điện cho S1)*, N giao người cho S1, sau đó N và 04 người trên được S1 cho ứng tiền trước, cụ thể: Sùng Mí C 4000 NDT (*Bốn ngàn nhân dân tệ);*(2) Vàng Mí C 2000 NDT (*Hai ngàn nhân dân tệ)*; (3) Giàng

Mí L 3000 NDT (*Ba ngàn nhân dân tệ);* (4) Sùng Mí P 3500 NDT (*Ba ngàn năm trăm nhân dân tệ)* và N được ứng trước 3500 NDT (*Ba ngàn năm trăm nhân dân tệ).* Số tiền công ứng trước mọi người nhờ người chạy xe ôm cầm về Việt Nam đưa cho gia đình, còn N và 04 người trên được S1 đưa đi đến địa điểm lao động. Do lượng công việc nhiều nên làm việc được 04 ngày S1 yêu cầu N tiếp tục về Việt Nam tìm thêm người đưa sang cho S1, N đồng ý về Việt Nam tìm người.

Lần thứ ba: Sau khi tìm được 08 người gồm: (1) Giàng Mí T - SN 2006; (2) Giàng Mí S - SN 1998; (3) Sùng Mí M - SN 1997; (4) Vàng Mí N - SN 1991; (5) Sùng Mí C - SN 2000 (6) Vàng Mí C - SN 2004; (7) Vàng Mí L - SN 1989 và (8) Vàng Mí M - SN 2004 cùng trú tại Thôn D, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang, Giàng Mí N đã gọi điện thoại thông báo cho Vừ Sìa S1biết và nói rõ số người trên muốn được ứng trước từ 2000 - 4000 NDT tiền công lao động, qua trao đổi S1 đồng ý và bảo N sang gặp S1 để lấy tiền công ứng trước về cho mọi người. N sang Trung Quốc gặp S1, S1 đưa cho N 4000 NDT về ứng trước cho Giàng Mí T 500 NDT; Giàng Mí S 500 NDT; Vàng Mí N 1000 NDT; Vàng Mý L 1000 NDT; Vàng Mí M 500 NDT còn lại 500 NDT N chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/4/2019 (*âm lịch)* N cùng 08 người nói trên thuê xe ôm đi lên xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (*tiền xe mọi người tự túc)* rồi đi theo đường mòn thuộc khu vực Mốc 465 thuộc thôn S, xã T, huyện M, Hà Giang (*không làm thủ tục xuất cảnh qua biên giới)*. Khi đến biên giới S1 lại ứng thêm tiền công lao động cho mọi người, cụ thể: Giàng Mí T ứng 2000 NDT; Giàng Mí S ứng 3000 NDT; Vàng Mí N 3000 NDT; Sùng Mí M ứng 2000 NDT; Sùng Mí C ứng 2000 NDT; Vàng Mí C ứng 2000 NDT; Vàng Mý L ứng trước 3000 NDT và Vàng Mí M ứng trước 2000 NDT, công việc là đào hố, trồng cây.

Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố Giàng Mí N về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Giàng Mí N phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

- Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Giàng Mí N từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2019.

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Giàng Mí N lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là đúng người đúng tội. Việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật, chỉ vì không hiểu biết pháp luật và do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó

khăn nên đã phạm tội, thực tế bị cáo chỉ muốn điều kiện cho mọi người có việc làm và bản thân cũng có thêm thu nhập cho gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng Mí N trình bày: Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, điều luật đã truy tố. Tuy nhiên cũng cần xem xét về nguyên nhân do hoàn cảnh khó khăn bị cáo còn phải nuôi mẹ già, mục đích tìm việc làm cho mọi người và bản thân cũng có thêm thu nhập để cải thiện cuộc sống. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm m, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo N 07 năm tù là thỏa đáng, phù hợp với tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội. Đồng thời xét miễn án phí cho bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận xét thấy có 13/16 người làm chứng có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt đều đã có lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của người làm chứng đều ổn định không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo. Do đó không ảnh hưởng đến việc xét xử. Viện kiểm sát và bị cáo đều đề nghị xét xử. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2019, bị cáo Giàng Mí N đã ba lần tổ chức đưa người khác ra nước ngoài với tổng số 16 người là công dân huyện V, tỉnh Hà Giang đi sang Trung Quốc (*Trung Quốc, không có giấy thông hành xuất nhập cảnh qua biên giới)* vượt biên qua khu vực mốc 465 thuộc địa phận xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Với mục đích để được trả công lao động cao hơn, công việc nhẹ hơn so với mọi người. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" được quy định tại Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt và điều luật áp dụng: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Đây là vụ án rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi biên giới. Bị cáo đã ba lần tổ chức đưa tổng số 16 người là công dân Việt Nam đi nước ngoài (Trung Quốc). Trong khi bị cáo không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trong việc tổ chức người khác sang nước ngoài và toàn bộ số 16 người bị cáo tổ chức đưa đi nước ngoài đều không có giấy thông hành xuất nhập cảnh qua biên giới theo quy định của pháp luật. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự, truý tố bị cáo Giàng Mí N về tội *"Tổ chức cho người khác chốn đi nước ngoài"* là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, khoan oan. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải lên một mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có ba lần tổ chức đưa người ra nước ngoài trái phép, đây là tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án này đối tượng tên là S2 và Vừ Sìa S1là người Trung Quốc, giữ vai trò chủ mưu, thỏa thuận với Giàng Mí N việc tìm người, công việc, tiền công lao động, tiền công tìm người nhưng do S2 và Vừ Sìa S1là người Trung Quốc nên Cơ quan An ninh điều tra không có đủ điều kiện để điều tra, xác minh nhân thân, lai lịch cũng như có hình thức xử lý đối với S2 và Vừ Sìa S1là có căn cứ.

[7] Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo Giàng Mí N xin được miễn án phí đồng thời cũng có đơn xin đề nghị được miễn án phí. Xét thấy bị cáo N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí cho bị cáo N theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: **Giàng Mí N** phạm tội *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".*

2. Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Giàng Mí N 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2019.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Mí N.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV06, PC10, PC11 CA tỉnh Hà Giang;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo, người bào chữa;
- UBND xã G, huyện M, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Tiến